

Bản án số 33/2020/HSST

Ngày 06 - 7 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TD, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoài.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình La.

2. Bà Nguyễn Thị Nghi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Xuân Chín – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TD.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TD tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thúy Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 31/2020/TLST-HS ngày 03/6/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2020/QĐXXST-HS ngày 23/6/2020 đối với:

Bị cáo: Lê Văn L, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Thôn PC, xã HL, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Kinh doanh; văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Điều và bà Nguyễn Thị Thu; vợ Hà Thị Oanh và 02 con; Tiền sự: Không; Tiền án: Không. Bị cáo tại ngoại – có mặt.

Các bị hại:

1. Bà Phạm Thị L1, sinh năm 1963.

Nơi cư trú: Tổ dân phố ĐL, thị trấn HH, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

2. Bà Phạm Thị Thu Ch (đã chết).

Những người đại diện hợp pháp của bị hại Phạm Thị Thu Ch:

- Ông Hà Việt T, sinh năm 1958.

Nơi cư trú: Tổ dân phố ĐL, thị trấn HH, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

- Chị Hà Thị Phương Th, sinh năm 1982.

Nơi cư trú: Buôn Tu 1, xã Dur Kmăl, huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

- Chị Hà Thị Ngọc L1, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: Khu 8, thôn YP, huyện YL, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Chị Hà Thị Ngọc A, sinh năm 1992.

Nơi cư trú: Thôn MĐ, xã ĐĐ, huyện BX, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Th, chị L1 và chị Ngọc A: Ông Hà Việt T, sinh năm 1958.

Nơi cư trú: Tổ dân phố ĐL, thị trấn HH, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Chị Hà Thị Oanh, sinh năm 1993.

Nơi cư trú: Thôn PC, xã HL, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo cáo trạng cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 03 giờ 00 phút ngày 14/3/2020, Lê Văn L điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 88C-138.93, loại 1,2 tấn chở chị Hà Thị Oanh ngồi ghế phụ đi từ nhà ở xã HL, huyện LT đến huyện Vĩnh Tường để mua cá chở về bán kiếm lời. Đến khoảng hơn 5 giờ cùng ngày, L điều khiển xe ô tô theo đường 36m Hợp Thịnh – Đạo Tú, rồi đi vào đường Quốc lộ 2C theo hướng thành phố Vĩnh Yên đi huyện LT với vận tốc khoảng 60km/h. Khi đến đoạn đường thuộc địa phận tổ dân phố Giữa, thị trấn Hợp Hoà, huyện TD do không chú ý quan sát, không đi đúng tốc độ và giảm tốc độ nên đã đâm va vào bà Phạm Thị Thu Ch và bà Phạm Thị L1 cùng ở tổ dân phố ĐL, thị trấn Hợp Hoà, huyện TD đang đi bộ sang đường bên trái theo chiều đi của L. Hậu quả bà Ch bị thương tích nặng được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Vĩnh Phúc và tử vong cùng ngày; bà L1 bị thương tích nhẹ được cấp cứu và điều trị tại Trung tâm y tế huyện TD từ ngày 14/3/2020 đến ngày 19/3/2020 thì ra viện.

Sau khi xảy ra vụ tai nạn giao thông đường bộ, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện TD cùng các cơ quan chức năng đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, khám nghiệm phương tiện. Tại bản kết luận giám định pháp y tử thi số 635/KLGD ngày 30/3/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc, kết luận: Trên tử thi Phạm Thị Thu Ch rải rác các tổn thương sâu sát, mài trợt da, tụ máu vùng đầu mặt, ngực, hông, tay, chân; Gãy xương ức, gãy khớp ức đòn hai bên, gãy nhiều xương sườn hai bên; Khoang ngực hai bên có máu, dập rách thùy phổi hai bên; Rách bao màng ngoài tim, tụ máu cung động mạch chủ. Nguyên nhân chết của bà Ch: Chấn thương ngực kín.

Ngày 29/4/2020, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện TD đã trưng cầu giám định thương tích đối với bà L1 để xác định tổn hại phần trăm sức khỏe.

Tuy nhiên, do bà L1 bị thương tích nhẹ đã từ chối giám định thương tích nên không có cơ sở để xác định tỷ lệ thương tích đối với bà L1.

Tại bản cáo trạng số 33/CT-VKSTD ngày 03/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TD đã truy tố Lê Văn L về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo trình bày như sau: Với khoảng cách khoảng 10m, L đã nhìn thấy bà L1 và bà Ch đang chuẩn bị sang đường nên đã điều khiển xe giảm tốc độ còn khoảng 50km/h và chân để ở bộ phận phanh xe nhưng không sử dụng phanh. Khi bà L1, bà Ch đã ra đến giữa đường lại kéo tay nhau, người sang trái và người sang phải dẫn đến việc xe ô tô do bị cáo điều khiển đã va chạm vào bà L1, bà Ch.

Bị hại bà L1 khai: Bà không nhớ đã sang đường ở vị trí phần đường nào, nhưng trước khi sang đường có nhìn thấy ô tô đang đi tới, do chủ quan nghĩ rằng vẫn đủ thời gian đi qua đường nên đã không chú ý quan sát và chạy qua đường. Còn việc bà và bà Ch khi ra giữa đường có giằng kéo nhau về hai phía như lời khai của L hay không thì đến nay bà không nhớ được vì sự việc diễn ra rất nhanh và do bà bị choáng. Quá trình giải quyết vụ án, L đã bồi thường cho bà số tiền 5.000.000 đồng; bà không có yêu cầu gì khác và cũng đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người đại diện hợp pháp của bị hại và người đại diện theo ủy quyền của người đại diện hợp pháp của bị hại ông T trình bày: Gia đình ông và L đã thỏa thuận bồi thường chi phí mai tang phí và tổn thất tinh thần số tiền 180.000.000 đồng. Gia đình ông không yêu cầu L phải bồi thường thêm khoản tiền gì và đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cho L được hưởng mức hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo L về tội danh, điều luật như nội dung bản Cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lê Văn L phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo L từ 18 đến 24 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách, giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân nơi cư trú giám sát, giáo dục. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại đã tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc bồi thường nên không đề cập giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Trả lại giấy phép lái xe ô tô cho bị cáo. Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tổ tụng, quyết định tổ tụng của cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện TD, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo L tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án về thời gian, địa điểm phạm tội, biên bản khám nghiệm hiện trường; sơ đồ hiện trường; kết quả khám nghiệm phương tiện, kết luận giám định pháp y về tử thi và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận:

Lê Văn L có giấy phép lái xe hạng D do sở giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Phúc cấp, có hiệu lực đến năm 2022. Khoảng hơn 5 giờ ngày 14/3/2020, L điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 88C-138.93, chở vợ là chị Hà Thị Oanh ngồi ghế phụ đi trên đoạn đường Quốc lộ 2C thuộc địa phận tổ dân phố Giữa, thị trấn Hợp Hoà, huyện TD, theo chiều thành phố Vĩnh Yên đi huyện LT, với vận tốc khoảng 60km/h. Ở vị trí đường này là khu vực có trụ sở cơ quan Nhà nước, có biển báo giao nhau, biển báo chỉ dẫn cho người đi bộ sang đường, gờ giảm tốc. Lúc đó, có bà Phạm Thị Thu Ch và Phạm Thị L1 đang đi bộ sang đường nhưng do L chủ quan, không giảm tốc độ đến mức cần thiết nên đã đâm va vào bà Ch và bà L1 đang ở phần đường bên trái theo chiều đi của L. Hậu quả bà Ch tử vong còn bà L1 bị thương tích nhẹ. Hành vi của bị cáo L điều khiển xe ô tô không tuân thủ các quy tắc cụ thể như sau:

Điều 24: Luật giao thông đường bộ quy định: “Khi đến gần đường giao nhau, người điều khiển phương tiện phải cho xe giảm tốc độ ...”.

Điều 5 Thông tư 31 ngày 29/8/2019 của Bộ giao thông vận tải quy định các trường hợp phải giảm tốc độ: “Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải giảm tốc độ thấp hơn tốc độ tối đa cho phép (có thể dừng lại một cách an toàn) trong các trường hợp sau:

...

5. Qua khu vực có ... công trình công cộng ...; khu vực đông dân cư...;

6. Khi có người đi bộ... qua đường;”

Như vậy, hành vi của bị cáo L đã vi phạm Luật giao thông đường bộ, gây hậu quả nghiêm trọng làm chết 01 người đã phạm vào tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật hình sự, cụ thể:

“Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a. Làm chết 01 người ...”

Quá trình điều tra do bà L1 đã từ chối giám định thương tích nên không có cơ sở để xác định tỷ lệ thương tích. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện TD truy tố bị cáo L theo tội danh và điều khoản trên là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên, trong vụ án này các bị hại khi tham gia giao thông đường bộ cũng có hành vi vi phạm Luật giao thông đường bộ cụ thể như sau:

Điều 32 Luật giao thông đường bộ quy định:

“ ...

2. Người đi bộ chỉ được qua đường ở những nơi có đèn tín hiệu, có vạch kẻ đườngdành cho người đi bộ....

3. Trường hợp không có đèn tín hiệu, không có vạch kẻ đường.....thì người đi bộ phải quan sát các xe đang đi tới, chỉ qua đường khi bảo đảm an toàn và chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn khi qua đường.”

Theo sơ đồ hiện trường vụ tai nạn giao thông và lời khai của bị hại tại phiên tòa đã thể hiện: Tại dấu vết đầu tiên để lại trên đường cách vạch kẻ đường dành cho người đi bộ khoảng 9,3m. Như vậy, các bị hại đã không đi đúng phần đường có vạch kẻ đường dành cho người đi bộ. Trước khi qua đường, các bị hại có thấy xe ô tô của bị cáo đang đi tới nhưng không chú ý quan sát, vẫn qua đường và dẫn đến va chạm. Vì vậy, trong vụ án này khi tham gia giao thông các bị hại cũng có lỗi một phần để xảy ra vụ tai nạn giao thông.

[3]. Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo cũng tích cực đề bồi thường cho bị hại, những người đại diện hợp pháp của bị hại đề bù đắp những tổn thất về tinh thần cho gia đình bị hại; bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại cũng đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo và xử phạt bị cáo mức hình phạt tù, cho hưởng án treo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Như vậy, trong vụ án này trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và người bị hại cũng có lỗi. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng để cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giám sát, giáo dục. Việc áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo đối với bị cáo không nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự và an toàn xã hội. Bị cáo L có khả năng tự cải tạo để trở thành công dân có ích cho xã hội như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện TD tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 260 của Bộ luật hình sự bị cáo còn có thể bị cấm hành nghề từ 01 năm đến 05 năm. Tại phiên tòa, bị cáo khai việc lái xe chở hàng hóa chỉ để phục vụ cho công việc kinh doanh của gia đình, nghề nghiệp chính của bị cáo là buôn bán cá và bị cáo là người có nguồn

thu nhập chính của gia đình. Vì vậy, không cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra bị cáo và bị hại, những người đại diện hợp pháp của bị hại đã thỏa thuận được với nhau những khoản tiền bồi thường như chi phí cứu chữa, chi phí cho việc mai táng bị hại và khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần tổng số tiền là 185.000.000 đồng. Bị hại và những người đại diện hợp pháp của bị hại không có đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Hà Thị Oanh không có yêu cầu gì đối với khoản tiền là tài sản chung của vợ chồng mà bị cáo đã sử dụng để bồi thường cho các bị hại nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với xe ô tô biển kiểm soát 88C – 138.93; 01 giấy chứng nhận đăng kí xe ô tô, 01 chứng nhận kiểm định xe ô tô, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc xe ô tô: Quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của bị cáo, trách nhiệm bồi thường dân sự trong vụ án đã giải quyết xong nên ngày 27/02/2020, cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp.

Đối với giấy phép lái xe ô tô hạng D số 260094261396 mang tên Lê Văn L cần trả lại cho bị cáo L.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, những người đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Văn L phạm tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự; Điều 92 của Luật thi hành án hình sự:

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn L 02 (hai) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã HL, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại cho bị cáo 01 giấy phép lái xe ô tô hạng D số 260094261396 mang tên Lê Văn L.

3. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Văn L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ Điều 331 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Bị cáo, bị hại, những người đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đình La Nguyễn Thị Nghi

Nguyễn Thị Thanh Hoài

Nơi nhận:

- Tòa án + Viện kiểm sát tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Công an huyện; UBND xã HL;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện;
- Bị cáo, Bị hại; Người ĐDHP của bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ, thi hành án hình sự; Văn phòng.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Hoài

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Nghiệp Hoàng Thị Hanh Nguyễn Thị Thanh Hoài

Nơi nhận:

- Tòa án + Viện kiểm sát tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Công an huyện; UBND xã An Hòa;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện;
- Bị cáo, Người ĐDHP của bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ, thi hành án hình sự; Văn phòng.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Hoài

